TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 04/02/2021
"V/v ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Ngọc Duyên.

2- Ông Bùi Minh Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đen, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 219/2020/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Anh Trần Minh T, sinh năm 1981 (có mặt).

2- Bị đơn: Chị Lâm Thị Út N, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã T.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Minh T trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Anh T và chị Lâm Thị Út N kết hôn với nhau vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới theo phong tục ở địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 14/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T.A, huyện An B, tỉnh Kiên Giang.Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất động quan điểm sống, dẫn đến cự cải nhau thường xuyên, làm cho hạnh phúc gia đình không còn nữa, từ đó vợ chồng đã ly thân đến nay gần 07 năm. Nay anh xét thấy tình

cảm của vợ chồng không còn nữa nên anh yêu cầu xin được ly hôn với chị Lâm Thị Út N.

Về con chung: Có 01 đứa con tên Trần Như Y, sinh ngày 23/02/2010, từ khi ly thân cho đến nay anh chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu vẫn ổn định và bản thân chị cũng có đủ điều kiện nuôi con. Nay anh yêu cầu xin được nuôi con và anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Anh thừa nhận không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn chị Lâm Thị Út N Tòa án đã tống đạt hợp lệ gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị N vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của anh T.

Tại phiên tòa hôm nay, Trần Minh T vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã nêu trên.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần nội dung:

Về hôn nhân: Ghi nhận yêu cầu của anh Trần Minh T xử cho anh Trần Minh Tâm và chị Lâm Thị Út N ly hôn.

Về con chung: Ghi nhận yêu cầu của anh Trần Minh T giao cháu Trần Như Y, sinh ngày 23/01/2010 cho anh T nuôi dưỡng và chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và phần nợ chung: Anh Trần Minh T thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con và bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với chị Lâm Thị Út N được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với chị Lâm Thị Út N

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: anh Trần Minh T và chị Lâm Thị Út N kết hôn với nhau vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn ngày 14/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Tây T.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang nên hôn nhân của anh T và chị N là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến cự cải nhau nên vợ chồng đã ly thân đến nay gần 07 năm, trong thời gian qua vợ chồng cũng không tự hòa giải với nhau được.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Trần Minh T xử cho anh Trần Minh T và chị Lâm Thị Út N ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Anh Trần Minh T và chị Lâm Thị Út N có 01 người con tên Trần Như Y, sinh ngày 23/01/2010. Anh T yêu cầu xin được nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, yêu cầu của anh T là có cơ sở. Bởi vì, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay anh T là người chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Như Y, cuộc sống của cháu vẫn ổn định, được ăn học đầy đủ và bản thân của anh T cũng có điều kiện nuôi con và cũng theo nguyện vọng của cháu Như Y. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận yêu cầu của anh T giao cháu Trần Như Y cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản và nợ chung: Anh Trần Minh T thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Minh T phải chịu 300.000đ. Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ. Vậy anh T đã nộp đủ tiền án phí.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nêu trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Trần Minh T và chị Lâm Thị Út N ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận yêu cầu của anh Trần Minh T là giao cháu Trần Như Y, sinh ngày 23/01/2010 (theo nguyện vọng của cháu Như Y) cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị N có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết anh T và chị N có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Anh Trần Minh T thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Minh T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0007000, ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy anh T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho anh T có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (04/02/2021). Đối với chị N vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND xã Tây Yên A;.
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm